



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 235/2019/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng
(đã được kiểm toán) năm 2018 của
Tổng công ty LICOGI-CTCP)

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (đã được kiểm toán) và Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của BCTC Công ty mẹ.

(Có Báo cáo TC và Giải trình kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 05/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

Số: 232./CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC
riêng năm 2018"

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 05/4/2019 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được soát xét bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

1. Trong năm 2017, Tổng Công ty-Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 16,7 tỷ đồng và 12,7 tỷ đồng, lợi nhuận là 4 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ hạch toán theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS 14) thì Doanh thu và Giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong năm là 19,9 tỷ đồng và 15,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 4,7 tỷ đồng. Lỗi kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm đi khoảng 0,7 tỷ đồng. Do vậy, sai sót này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh năm 2017 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty.

2. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con-Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty-Công ty mẹ đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty-Công ty mẹ ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và khoản "Phải trả ngắn hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2018 và thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm 87,498 tỷ đồng.

3. Trong năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con-Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Trong năm 2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng.

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16- "chi phí đi vay" (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" và "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến dự án này hay không.



4. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty con-Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228/TT-BTC). Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại TT228/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế" tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

5. Tổng Công ty-Công ty mẹ đang theo dõi các khoản công nợ phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước thuộc chi nhánh Licogi 2 với tổng giá trị đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 13,57 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hay không.

6. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Tổng Công ty Lũng Lô (LCC) là 31,25 tỷ đồng (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 0,54 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng). Ngoài ra, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận các khoản phải trả cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hay không.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT


TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải

Số: 231./CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của BTCT Công ty mẹ sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố"

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh năm 2018 cụ thể như sau:

1- Giải trình kết quả kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		335.050	450.032	-26%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	335.050	434.621	-23%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	0,21	15.412	-99,9%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	331.831	553.322	-40%
	- Giá vốn	Tr. đồng	208.255	368.975	-44%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	66.279	116.176	-43%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-	51	-100%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	36.424	51.470	-29%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	20.873	16.650	25%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	3.219	(103.289)	103%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-	716	100%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.219	(104.006)	103%

Năm 2018 lợi nhuận tăng so với năm 2017 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Tổng chi phí năm 2018 giảm là 40% so với năm 2017 chủ yếu là do:
 - + CP giá vốn giảm 44%;
 - + CP tài chính giảm 43% do: hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính các đơn vị báo cáo lãi, giảm CP lãi vay;
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 29% do tiết kiệm chi phí thường xuyên, hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi;
 - + Chi phí thuế TNDN năm 2018 giảm so với năm 2017 là 100% do không phát sinh thu nhập chịu thuế.



2- Giải trình chênh lệch lợi nhuận 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018 sau kiểm toán	Năm 2018 trước kiểm toán	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		335.050	382.449	-12,4%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	335.050	382.449	-12,4%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	0,21	0,21	0%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	331.831	377.573	-12,1%
	-Trong đó: chi phí khác	Tr. đồng	20.873	19.286	8,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	3.219	4.877	-34%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.219	4.877	-34%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã được kiểm toán giảm 1,6 tỷ đồng là do điều chỉnh bổ sung cập nhật lại số liệu sau kiểm toán các khoản đầu tư tài chính và hạch toán bổ sung chi phí thuế của Licogi 1.

3- Điều chỉnh hồi tố:

Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính 1,9 tỷ đồng vào Công ty CP Licogi 12 theo Quyết định 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 của Bộ Xây dựng về giá trị thực tế vốn tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ-Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng sang Tổng Công ty Licogi-CTCP.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	07-52
Bảng cân đối kế toán riêng	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-52



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Quyết định nghỉ hưu ngày 25/12/2018
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên	Quyết định nghỉ hưu ngày 20/11/2018
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2018
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/07/2018
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2018
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.003/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long

1. Trong năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 16,7 tỷ đồng và 12,7 tỷ đồng, lợi nhuận là 4 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ hạch toán theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS 14) thì Doanh thu và Giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong năm là 19,9 tỷ đồng và 15,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 4,7 tỷ đồng. Lỗi kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm đi khoảng 0,7 tỷ đồng. Do vậy, sai sót này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh năm 2017 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

2. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và khoản "Phải trả ngắn hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2018 và thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm 87,498 tỷ đồng.

3. Trong năm 2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Trong năm 2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng.

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16- "chi phí đi vay" (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" và "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến dự án này hay không.

4. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228/TT-BTC). Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại TT228/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế" tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Các khoản phải trả

5. Tổng Công ty - Công ty mẹ đang theo dõi các khoản công nợ phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước thuộc chi nhánh Licogi 2 với tổng giá trị đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 13,57 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hay không.

6. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Tổng Công ty Lũng Lô (LCC) là 31,25 tỷ đồng (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 0,54 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng). Ngoài ra, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận các khoản phải trả cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.113 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 394,2 tỷ đồng chiếm 43,8% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty - Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty - Công ty mẹ vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

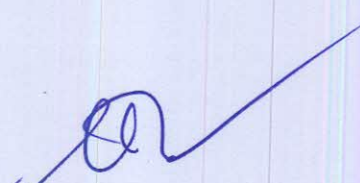
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		808.267.618.299	781.905.449.224
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.750.487.921	2.863.611.860
111	1. Tiền		11.750.487.921	2.863.611.860
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	330.000.000	330.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		330.000.000	330.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		718.834.504.515	703.891.826.333
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	381.834.323.490	488.281.767.891
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	55.860.032.006	53.008.557.165
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.600.000.000	1.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	378.852.315.522	263.966.417.326
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(99.312.166.503)	(102.964.916.049)
140	IV. Hàng tồn kho	10	61.749.264.387	55.113.185.126
141	1. Hàng tồn kho		63.008.646.946	57.419.743.624
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.259.382.559)	(2.306.558.498)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.603.361.476	19.706.825.905
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	594.592.735	974.680.679
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.675.254.018	18.454.431.424
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	333.514.723	277.713.802
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.956.686.601.369	1.984.940.728.054
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	27.399.643.868
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	27.399.643.868
220	II. Tài sản cố định		172.633.775.107	201.005.271.459
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	172.633.775.107	201.005.271.459
222	- Nguyên giá		470.404.192.197	470.397.019.902
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(297.770.417.090)	(269.391.748.443)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	15.757.050.578	15.569.696.032
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		4.589.571.314	4.589.571.314
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.167.479.264	10.980.124.718
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.766.619.129.869	1.734.880.666.673
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.414.237.997.000	1.414.237.997.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		356.363.654.969	328.035.058.969
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.260.545.400	59.260.545.400
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(63.243.067.500)	(66.652.934.696)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.676.645.815	6.085.450.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.676.645.815	6.085.450.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2.764.954.219.668</u>	<u>2.766.846.177.278</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.259.143.035.642	2.264.254.390.988
310	I. Nợ ngắn hạn		1.921.271.131.227	1.710.312.041.055
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	486.022.434.253	582.667.214.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	54.054.964.620	56.256.810.549
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	45.250.444.751	43.909.201.636
314	4. Phải trả người lao động		6.926.604.639	9.129.449.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	103.506.819.401	126.297.524.904
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	39.274.645.609	56.977.590.180
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.185.872.395.710	834.668.894.623
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		362.822.244	405.355.126
330	II. Nợ dài hạn		337.871.904.415	553.942.349.933
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	2.002.430.188	1.598.044.056
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	312.498.564.715	312.498.564.715
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	23.370.909.512	239.845.741.162
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		505.811.184.026	502.591.786.290
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	505.811.184.026	502.591.786.290
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(394.188.815.974)	(397.408.213.710)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(397.408.213.710)	(293.402.536.085)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		3.219.397.736	(104.005.677.625)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.764.954.219.668	2.766.846.177.278



Trần Thị Thu Hằng
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	217.424.270.783	375.739.331.186
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	590.304.458	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		216.833.966.325	375.739.331.186
11	4. Giá vốn hàng bán	25	208.254.908.120	368.974.695.055
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.579.058.205	6.764.636.131
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	118.215.848.173	58.881.305.176
22	7. Chi phí tài chính	27	66.278.558.969	116.175.954.025
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		69.688.415.165	96.087.125.295
25	8. Chi phí bán hàng		-	51.124.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	36.423.887.813	51.469.925.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.092.459.596	(102.051.061.843)
31	11. Thu nhập khác	29	207.630	15.411.616.316
32	12. Chi phí khác	30	20.873.269.490	16.649.878.070
40	13. Lợi nhuận khác		(20.873.061.860)	(1.238.261.754)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.219.397.736	(103.289.323.597)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	716.354.028
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.219.397.736</u>	<u>(104.005.677.625)</u>

Trần Thị Thu Hằng
Người lậpNguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNGNăm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.219.397.736	(103.289.323.597)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.400.493.263	30.659.712.912
03	- Các khoản dự phòng		(8.109.792.681)	(14.499.100.217)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(118.214.468.322)	(58.746.636.450)
06	- Chi phí lãi vay		69.688.415.165	96.087.125.295
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(25.015.954.839)	(49.788.222.057)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		27.421.859.409	(25.986.446.873)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.588.903.322)	66.891.858.280
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(139.906.212.608)	194.791.191.539
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.791.278.390	4.620.112.374
14	- Tiền lãi vay đã trả		(69.579.694.458)	(91.386.094.027)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.667.118	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(61.200.000)	(1.968.850.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(207.920.160.310)	95.173.549.236
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(187.354.546)	(459.900.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(29.329.643.868)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.399.643.868	13.745.171.770
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.328.596.000)	(285.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.194.673.612	54.893.860.994
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		82.078.366.934	(246.150.511.104)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.183.052.038.744	1.143.574.125.954
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.048.323.369.307)	(1.061.989.465.523)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		134.728.669.437	81.584.660.431

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.886.876.061	(69.392.301.437)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.863.611.860	72.255.913.297
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>11.750.487.921</u>	<u>2.863.611.860</u>

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Trần Thị Thu Hằng
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng- Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buro điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với các hoạt động xây dựng của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh LICOGI Số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính. Thông tin về nội dung và các khoản mục điều chỉnh hồi tố được Tổng Công ty - Công ty mẹ trình bày tại thuyết minh số 37- "Số liệu so sánh".

Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.113 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 394,2 tỷ đồng chiếm 43,8% vốn điều lệ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty - Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho năm 2018 của Tổng Công ty - Công ty mẹ được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.24 . Thông tin bộ phận

Do đặc thù của Tổng Công ty - Công ty mẹ là hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tổng Công ty - Công ty mẹ không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	122.616.158	287.961.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.627.871.763	2.575.650.300
	<u>11.750.487.921</u>	<u>2.863.611.860</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	330.000.000	330.000.000	330.000.000	330.000.000
	<u>330.000.000</u>	<u>330.000.000</u>	<u>330.000.000</u>	<u>330.000.000</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng số 20/7030/HĐ-LICOGI-THN ngày 01/03/2017 với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất cố định 6,8%/năm.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào công ty con và Công ty liên doanh, liên kết

	Mã CK	31/12/2018			01/01/2018 (đã điều chỉnh)		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con		1.414.237.997.000		(42.988.621.128)	1.414.237.997.000		(45.921.644.788)
- Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh (*)	TDA	34.476.838.106	(*)	-	34.476.838.106	(*)	-
- Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi (*)	CKD	300.945.730.000	(*)	-	300.945.730.000	(*)	-
- Công ty CP Tư vấn Licogi (*)		3.177.150.487	(*)	-	3.177.150.487	(*)	-
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (*)	LG9	38.178.368.992	(*)	-	38.178.368.992	(*)	-
- Công ty CP Licogi Quảng Ngãi (*)	LQN	16.855.532.723	(*)	(3.027.098.077)	16.855.532.723	(*)	(5.912.021.575)
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (*)		10.110.056.968	(*)	-	10.110.056.968	(*)	-
- Công ty CP Licogi 15 (*)		6.593.800.000	(*)	(6.593.800.000)	6.593.800.000	(*)	(6.593.800.000)
- Công ty CP Licogi 17 (*)		10.393.670.213	(*)	(518.723.051)	10.393.670.213	(*)	(566.823.213)
- Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (*)		22.571.500.000	(*)	(22.571.500.000)	22.571.500.000	(*)	(22.571.500.000)
- Công ty CP Lắp máy Điện nước (*)		10.277.500.000	(*)	(10.277.500.000)	10.277.500.000	(*)	(10.277.500.000)
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)		900.000.000.000	(*)	-	900.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (*)		60.657.849.511	(*)	-	60.657.849.511	(*)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		356.363.654.969		-	328.035.058.969		(2.087.681.959)
- Công ty CP Thủy điện Bắc Hà ⁽¹⁾ (*)	BHA	301.991.630.000	(*)	-	297.436.870.000	(*)	(2.087.681.959)
- Công ty CP Licogi 14 ⁽²⁾ (*)	L14	52.372.956.000	(*)	-	28.599.120.000	(*)	-
- Công ty CP Licogi 19 (*)		1.999.068.969	(*)	-	1.999.068.969	(*)	-

(1) Trong năm 2018, Tổng công ty thực hiện góp thêm bằng tiền 4.554.760.000 tỷ đồng vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, nâng vốn điều lệ của Công ty liên kết lên 660.000.000.000 tỷ đồng.

(2) Trong năm 2018, Tổng công ty thực hiện góp thêm bằng tiền 23.773.836.000 tỷ đồng vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Licogi 14, nâng vốn điều lệ của Công ty liên kết lên 165.698.919.000 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCG

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	31/12/2018			01/01/2018 (đã điều chỉnh)		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	59.260.545.400	28.495.334.700	(20.254.446.372)	59.260.545.400	29.933.121.600	(18.643.607.949)
- Công ty CP Licogi 12	7.895.068.192	2.386.800.000	(5.508.268.192)	7.895.068.192	3.401.190.000	(4.493.878.192)
- Công ty CP Licogi 13	25.001.671.600	10.598.534.700	(14.403.136.900)	25.001.671.600	11.413.806.600	(13.587.865.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	14.580.000.000	-	10.530.000.000	14.428.125.000	-
- Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	13.753.805.608	(*)	-	13.753.805.608	(*)	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780.000.000	930.000.000	-	780.000.000	690.000.000	(90.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi (*)	1.000.000.000	(*)	(85.673.179)	1.000.000.000	(*)	(214.496.656)
- Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi (*)	300.000.000	(*)	(257.368.101)	300.000.000	(*)	(257.368.101)
	59.260.545.400		(20.254.446.372)	59.260.545.400		(18.643.607.949)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2018.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Thành phố Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Thành phố Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Thành phố Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Tỉnh Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Tỉnh Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Thành phố Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Thành phố Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Licogi 2)	Tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Tỉnh Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Thành phố Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 36.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Licogi 12 (Mã CK L12)	Thành phố Hà Nội	8,85%	8,85%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13 (Mã CK LIG)	Thành phố Hà Nội	6,23%	6,23%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	Thành phố Hà Nội	18,75%	18,75%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	Tỉnh Quảng Ngãi	1,35%	1,35%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	Thành phố Hồ Chí Minh	0,09%	0,09%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>	<u>Giá trị VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban quản lý dự án thủy điện 1	70.463.462.337	-	146.650.206.841	-
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	-	13.481.426.654	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	98.406.629.152	-	76.569.785.955	-
BQL dự án nhà máy thủy điện Sơn La	18.911.229.000	-	39.981.066.639	-
Phải thu khách hàng khác	159.309.981.508	(17.555.707.115)	190.337.686.963	(22.368.611.622)
	<u>381.834.323.490</u>	<u>(38.817.301.954)</u>	<u>488.281.767.891</u>	<u>(43.630.206.461)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>4.260.460.451</u>	<u>-</u>	<u>6.907.003.977</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Licogi 15	9.836.437.752	-	9.898.239.102	-
Công ty Cổ phần lắp máy điện nước - Licogi	36.499.176.131	-	31.835.294.509	-
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	(3.695.789.577)	3.695.789.577	(3.695.789.577)
Trả trước cho người bán khác	5.828.628.546	(1.680.755.467)	7.579.233.977	(1.162.728.985)
	55.860.032.006	(5.376.545.044)	53.008.557.165	(4.858.518.562)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	50.096.862.027	(440.835.303)	45.494.781.755	(440.835.303)

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Lắp máy điện nước - Licogi ⁽¹⁾	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
b) Dài hạn				
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	-	-	27.399.643.868	-
	-	-	27.399.643.868	-
c) Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	1.600.000.000	-	28.999.643.868	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25/04/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.600.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMDN/CKĐA ngày 19/04/2017.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác có số dư lớn				
Phải thu về cổ phần hóa	4.545.190.796	(3.624.299.293)	4.936.033.343	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.207.520.000	-	15.224.510.900	-
Phải thu người lao động	3.670.823.407	-	4.881.408.412	-
Tạm ứng	20.203.561.627	(18.378.178.937)	25.315.249.455	(18.154.097.561)
Ký cược, ký quỹ	107.591.907	-	93.629.007	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	17.680.761.961	-	37.959.881.189	-
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	6.079.942.000	(6.079.942.000)
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	16.761.821.376	(713.413.162)	15.445.922.899	(713.413.162)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)	216.666.127.822	-	109.477.706.992	-
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu lãi vay Công ty con	48.036.785.610	-	-	-
Phải thu khác	17.398.785.067	(829.082.164)	19.058.729.180	(411.035.061)
	<u>378.852.315.522</u>	<u>(55.118.319.505)</u>	<u>263.966.417.326</u>	<u>(54.476.191.026)</u>

(*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và các khoản Tổng Công ty tạm ứng cho Công ty con để thực hiện dự án này.

(*) Giá trị khoản phải thu khác bao gồm số tiền cho vay, lãi vay và phải thu khác lần lượt là 188.603.623.180 đồng, 26.101.817.690 đồng và 1.960.686.952 đồng.

b) Phải thu khác là các bên liên quan

<u>234.346.889.783</u>	<u>(4.337.712.455)</u>	<u>147.437.588.181</u>	<u>(4.337.712.455)</u>
-------------------------------	-------------------------------	-------------------------------	-------------------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty CP Phát triển & Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	-
- Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	-
- Ban điều hành Licogi tại nhà máy CNTT Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Licogi 19- tiền cổ phần hóa	3.624.299.293	-	3.624.299.293	-
- Phải thu dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	6.079.942.000	-
- Các khoản khác	44.800.486.582	10.093.339.330	51.468.590.070	13.108.693.272
	109.405.505.833	10.093.339.330	116.073.609.321	13.108.693.272

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.000.916.448	(867.221.325)	1.515.458.915	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	58.805.274.395	-	51.345.210.179	-
Thành phẩm	1.572.428.413	(392.161.234)	3.929.046.840	(1.439.337.173)
	63.008.646.946	(1.259.382.559)	57.419.743.624	(2.306.558.498)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự án 423 Minh Khai	2.158.762.956	1.015.486.336
- Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.775.661.365	21.653.526.636
- Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Gói 10	6.775.299.877	2.117.012.858
- Trụ sở làm việc Tổng liên đoàn LĐ VN	2.463.366.636	2.520.898.133
- Dự án tòa nhà hỗn hợp Thái Nguyên Tower-cọc KN-HĐ17	3.704.790.212	-
- Dự án khu dân cư & cviên Phước Thiện-Quận 9-TPHCM	2.995.626.449	-
- Các dự án khác	27.931.766.900	24.038.286.216
	58.805.274.395	51.345.210.179

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 (1)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314

Ghi chú:

(1) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng công ty - Công ty mẹ đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới.

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	11.167.479.264	10.980.124.718
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (2)	9.671.801.536	9.647.644.263
- Công trình khác	1.495.677.728	1.332.480.455
	11.167.479.264	10.980.124.718

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Báo cáo tài chính riêng**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	51.912.001.484	394.361.273.823	22.494.228.696	1.629.515.899	470.397.019.902					
- Tăng khác	-	-	-	176.520.000	176.520.000					176.520.000
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(52.126.754)	(169.347.705)					
Số dư cuối năm	51.912.001.484	394.244.052.872	22.494.228.696	1.753.909.145	470.404.192.197					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	38.101.092.486	210.592.334.297	19.588.820.181	1.109.501.479	269.391.748.443					
- Khấu hao trong năm	2.148.215.377	25.172.153.569	959.915.264	120.209.053	28.400.493.263					
- Tăng khác	-	-	-	145.136.850	145.136.850					
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(49.740.515)	(166.961.466)					
Số dư cuối năm	40.249.307.863	235.647.266.915	20.548.735.445	1.325.106.867	297.770.417.090					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	13.810.908.998	183.768.939.526	2.905.408.515	520.014.420	201.005.271.459					
Tại ngày cuối năm	11.662.693.621	158.596.785.957	1.945.493.251	428.802.278	172.633.775.107					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 116.947.605.731 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 118.773.806.746 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329.960.284	104.421.303
Chi phí sửa chữa	168.454.875	564.421.241
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	96.177.576	305.838.135
	<u>594.592.735</u>	<u>974.680.679</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa	-	3.177.662.392
Công cụ dụng cụ xuất dùng	145.840.232	1.618.612.500
Chi phí sửa chữa cải tạo	1.030.674.012	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	500.131.571	1.289.175.130
	<u>1.676.645.815</u>	<u>6.085.450.022</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018 (đã điều chỉnh)</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	59.139.648.044	59.139.648.044	59.968.090.425	59.968.090.425
Công ty CP LICOGI 13	84.778.239.701	84.778.239.701	120.267.812.332	120.267.812.332
Công ty CP LICOGI 16	44.518.436.687	44.518.436.687	44.385.573.178	44.385.573.178
Công ty CP LICOGI 17	32.259.379.487	32.259.379.487	46.475.320.717	46.475.320.717
Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18.1	22.943.507.113	22.943.507.113	23.511.719.988	23.511.719.988
Công ty CP kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	13.524.133.003	13.524.133.003	27.541.532.396	27.541.532.396
Công ty CP Sông Đà 7	11.795.665.990	11.795.665.990	28.729.553.757	28.729.553.757
Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18	19.984.864.545	19.984.864.545	20.960.926.489	20.960.926.489
Công ty CP Sông Đà 505	17.267.637.266	17.267.637.266	8.112.232.270	8.112.232.270
Phải trả các đối tượng khác	179.810.922.417	179.810.922.417	202.714.452.798	202.714.452.798
	<u>486.022.434.253</u>	<u>486.022.434.253</u>	<u>582.667.214.350</u>	<u>582.667.214.350</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH nhà thép tiền chế ATAD	3.736.479.660	3.736.479.660	3.736.479.660	3.736.479.660
Thầu phụ của ban điều hành Dung Quất	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794
XN khai thác và chế biến đá XK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Phải trả các đối tượng khác	28.626.156.138	28.626.156.138	28.626.156.138	28.626.156.138
	47.976.071.202	47.976.071.202	47.976.071.202	47.976.071.202

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	144.086.787.380	144.086.787.380	194.567.226.684	194.567.226.684
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi tiết người mua trả tiền trước có số dư lớn		
Công trình NM đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô- Dự án đê chắn sóng Dung Quất (xem thêm thông tin thuyết minh 34)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	2.323.262.679	-
Công ty TNHH một thành viên CNTT Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592
Công ty Cổ phần thép Hoà Phát Dung Quất	6.035.933.373	-
Người mua trả tiền trước khác	4.188.530.529	14.749.572.510
	54.054.964.620	56.256.810.549
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	2.323.262.679	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	277.713.802	20.914.931.918	244.909.824	359.741.191	333.514.723	20.855.901.472						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.171.464.234	-	-	-	1.171.464.234						
Thuế Thu nhập cá nhân	-	288.618.932	299.117.838	355.762.169	-	231.974.601						
Thuế Tài nguyên	-	258.628.901	520.975.700	607.307.652	-	172.296.949						
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	12.915.000	609.765.807	609.765.807	-	12.915.000						
Thuế bảo vệ môi trường	-	128.040.500	339.319.125	382.842.825	-	84.516.800						
Các loại thuế khác	-	-	36.453.083	36.453.083	-	-						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.134.602.151	1.586.773.544	-	-	22.721.375.695						
	277.713.802	43.909.201.636	3.637.314.921	2.351.872.727	333.514.723	45.250.444.751						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	(đã điều chỉnh)	VND	
- Chi phí lãi vay	26.712.599.697	26.603.878.990		
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	1.015.486.336		
- Công trình Suối Chấn 2	26.794.598.660	26.843.712.405		
- Công trình đại học quốc gia	16.679.035.860	16.679.035.860		
- Dự án 20 Cộng hòa	6.823.705.099	6.823.705.099		
- Công trình Thủy điện Bản Chát	11.240.330.218	6.681.750.223		
- Công trình Thủy điện Lai Châu	-	5.956.575.456		
- Các công trình khác	-	15.444.364.671		
- Chi phí phải trả khác	13.218.055.436	20.249.015.864		
	103.506.819.401	126.297.524.904		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.002.430.188	1.598.044.056
	<u>2.002.430.188</u>	<u>1.598.044.056</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	-
- Kinh phí công đoàn	1.627.398.821	1.659.945.553
- Bảo hiểm xã hội	8.407.200.192	8.032.505.267
- Bảo hiểm y tế	699.313.492	662.966.156
- Bảo hiểm thất nghiệp	526.796.412	745.603.831
- Phải trả về cổ phần hoá	14.112.595.415	14.149.529.444
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	15.805.008.945
- Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
- Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.454.808.711	12.044.212.843
	<u>39.274.645.609</u>	<u>56.977.590.180</u>
b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	165.000.000.000
	<u>312.498.564.715</u>	<u>312.498.564.715</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>67.500.000.000</u>	<u>79.971.962.151</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty- Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt và ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền là 87,498 tỷ đồng.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP

Báo cáo tài chính riêng

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	641.571.292.651	641.571.292.651	830.730.288.723	547.526.087.966	924.775.493.408	924.775.493.408
- Vay ngắn hạn bên thứ ba	395.061.770.096	395.061.770.096	513.965.576.567	445.356.133.625	463.671.213.038	463.671.213.038
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh LICOI	175.968.794.777	175.968.794.777	246.280.494.452	32.523.739.816	389.725.549.413	389.725.549.413
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh LICOI	70.540.727.778	70.540.727.778	70.484.217.704	69.646.214.525	71.378.730.957	71.378.730.957
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	193.097.601.972	193.097.601.972	279.658.678.369	211.659.378.039	261.096.902.302	261.096.902.302
- Vay dài hạn đến hạn trả	193.097.601.972	193.097.601.972	279.658.678.369	211.659.378.039	261.096.902.302	261.096.902.302
	834.668.894.623	834.668.894.623	1.110.388.967.092	759.185.466.005	1.185.872.395.710	1.185.872.395.710
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	432.943.343.134	432.943.343.134	352.321.750.021	500.797.281.341	284.467.811.814	284.467.811.814
	432.943.343.134	432.943.343.134	352.321.750.021	500.797.281.341	284.467.811.814	284.467.811.814
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(193.097.601.972)	(193.097.601.972)	(279.658.678.369)	(211.659.378.039)	(261.096.902.302)	(261.096.902.302)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	239.845.741.162	239.845.741.162			23.370.909.512	23.370.909.512

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 (VND)
I	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm						
1	Số 3120-LAV-201801842	110.000.000.000	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL01.2018 ngày 15/10/2018 (thế chấp máy móc thiết bị). - Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC ký ngày 15/10/2018(thế chấp cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi- CTCP.	92.676.769.154 92.676.769.154
II	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội						
1	Số 1480-LAV-201800196	50.000.000.000	8%/ năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng công ty và các chi nhánh phụ thuộc	63.469.895.255 49.969.895.255
2	Số 1480-LAV-201500281	14.000.000.000	9,5%/năm	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty	13.500.000.000
III	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ						
1	Số 1506LAV-201801141	10.000.000.000	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng quyền khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	10.095.576.567 10.095.576.567
IV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân						
2	Số 01/2018/134627/HĐTĐ	500.000.000.000	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 2.717.573 cổ phiếu Công ty CP Licogi 13; 10.009.700 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác	297.428.972.062 297.428.972.062



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 (VND)
IV	Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	61.000.000.000	9%/năm				71.378.730.957
1	Số 2509/2017/HĐVV/LICOGI I-CKĐA ngày 25/09/2017 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/LICOGI I-CKĐA ngày 29/06/2018			6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - và số cổ phần tại Công ty Cổ phần LICOGI 14 mà Tổng Công ty LICOGI - CTCP sở hữu theo hợp đồng thế chấp số phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	45.378.730.957
2	Số 20.06/2018/HĐVV/LICOGI I-CKDA ngày 20/06/2018	6.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	6.000.000.000
3	Số 3105/2018/HĐVV/LICOGI I-CKDA ngày 31/05/2018	20.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	20.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các ngân hàng

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 (VND)	Nợ phải trả tới ngày 31/12/2019 (VND)
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân							
1	Số 02/2015/134627/HĐTĐ	49.108.000.000	Thả nổi	60 tháng	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án	35.875.102.316	12.964.000.000
2	Số 01/2013/HĐTĐ	88.982.600.000	Thả nổi	96 tháng	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.	25.935.842.316	8.000.000.000
II	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng							
1	Hợp đồng vay trung hạn và các khế ước nhận nợ	538.306.843.456	Thả nổi	60 tháng	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.	248.592.709.498	248.132.902.302
							248.592.709.498	248.132.902.302



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay bên thứ ba

(1) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TĐSD-LICOGI ký ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2018 là 16.815.763.517 đồng.

(2) Các khoản vay ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty - Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty - Công ty mẹ hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng (Dự án KĐTMT Thịnh Liệt). Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty - Công ty mẹ vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 12 tháng. Số dư nợ gốc tính đến thời điểm 31/12/2018 là 191.591.230.342 đồng;

(3) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU kí ngày 18/12/2017 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng công ty- Công ty mẹ. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại ngày ký hợp đồng là 8%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2018 là 85.000.000.000 tỷ đồng.

(4) Hợp đồng vay số 33_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 31/05/2018 và hợp đồng vay số 34_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 15/06/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và công ty TNHH HAKUBA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường, với thời hạn vay hợp đồng lần lượt là từ ngày 31/05/2018 đến ngày 30/08/2018 và từ ngày 15/06/2018 đến ngày 31/08/2018. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2018 của hai hợp đồng lần lượt là 41.431.111.110 đồng và 10.299.444.444 đồng.

(5) Hợp đồng vay số 304_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 31/05/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ vào tài khoản cho Tổng công ty- công ty mẹ. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 8,5 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2018 là 20.000.000.000 đồng.

(6) Hợp đồng vay số 37_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 29/06/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/08/2018. Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi phát hành. Giá trị cổ phiếu là 126.400.000.000 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2018 là 24.588.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(293.402.536.085)	606.597.463.915
Lỗ trong năm trước	-	(104.005.677.625)	(104.005.677.625)
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	(397.408.213.710)	502.591.786.290
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(397.408.213.710)	502.591.786.290
Lãi trong năm nay	-	3.219.397.736	3.219.397.736
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	(394.188.815.974)	505.811.184.026

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	0,00%	-
Bộ Xây dựng	0,00%	-	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	2,21
- Đồng Euro (EUR)	-	94,99
- Đồng Yên Nhật (JPY)	341,99	105.940,00

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	78.572.569.853	22.457.911.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	677.865.275	2.549.730.637
Doanh thu hợp đồng xây dựng	138.173.835.655	334.019.759.304
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	16.711.930.055
	<u><u>217.424.270.783</u></u>	<u><u>375.739.331.186</u></u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u><u>76.351.040.024</u></u>	<u><u>8.742.776.221</u></u>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	590.304.458	-
	<u><u>590.304.458</u></u>	<u><u>-</u></u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	72.723.692.539	29.787.285.640
Giá vốn cung cấp dịch vụ	552.661.028	2.156.468.969
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	136.025.730.492	322.884.687.256
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	12.706.916.017
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.047.175.939)	1.439.337.173
	<u><u>208.254.908.120</u></u>	<u><u>368.974.695.055</u></u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.238.074.321	5.612.481.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	96.976.394.001	53.134.154.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.379.851	134.668.726
	<u>118.215.848.173</u>	<u>58.881.305.176</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	69.688.415.165	96.087.125.295
Dự phòng/ Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.409.867.196)	20.088.828.730
Chi phí tài chính khác	11.000	-
	<u>66.278.558.969</u>	<u>116.175.954.025</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.015.506.415	1.882.975.855
Chi phí nhân công	22.121.881.412	24.473.874.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.519.602.025	5.025.229.396
Thuế, phí, lệ phí	902.102.674	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.652.749.546)	7.888.765.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.205.429	2.839.207.764
Chi phí khác bằng tiền	9.440.339.404	9.359.872.508
	<u>36.423.887.813</u>	<u>51.469.925.125</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi do đánh giá lại tài sản khi thành lập công ty con	-	15.351.994.123
Thu nhập khác	207.630	59.622.193
	<u>207.630</u>	<u>15.411.616.316</u>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	195.359.489	4.211.564.456
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	17.814.919.600	12.359.987.380
Lãi chậm nộp bảo hiểm, thuế	2.256.690.398	-
Chi phí khác	606.300.003	78.326.234
	<u>20.873.269.490</u>	<u>16.649.878.070</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.219.397.736	(103.289.323.597)
Các khoản điều chỉnh tăng	195.359.489	-
- Chi phí không hợp lệ	195.359.489	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(96.976.394.001)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(96.976.394.001)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(93.561.636.776)	(103.289.323.597)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại chính nhánh Licogi 2 trong 5 tháng đầu năm 2017	-	716.354.028
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	716.354.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.171.464.234	3.761.593.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(2.000.000.000)
Giảm do chuyển chi nhánh licogi 2 thành công ty con		(1.306.483.004)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.171.464.234	1.171.464.234

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.274.859.693	91.727.342.874
Chi phí nhân công	31.893.808.352	31.032.752.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.585.573.663	10.299.788.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.877.723.257	94.262.257.184
Chi phí khác bằng tiền	20.850.202.242	20.287.296.811
	254.482.167.207	247.609.437.498

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.750.487.921	-	2.863.611.860	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	760.686.639.012	(93.935.621.459)	752.248.185.217	(98.106.397.487)
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	28.999.643.868	-
Đầu tư dài hạn	44.206.739.792	(19.911.405.092)	44.206.739.792	(18.171.743.192)
	818.243.866.725	(113.847.026.551)	828.318.180.737	(116.278.140.679)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.209.243.305.222	1.074.514.635.785
Phải trả người bán, phải trả khác	837.795.644.577	952.143.369.245
Chi phí phải trả	103.506.819.401	126.297.524.904
	2.150.545.769.200	2.152.955.529.934

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.750.487.921	-	-	11.750.487.921
Phải thu khách hàng, phải thu khác	666.751.017.553	-	-	666.751.017.553
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
	680.101.505.474	-	-	680.101.505.474
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.863.611.860	-	-	2.863.611.860
Phải thu khách hàng, phải thu khác	654.141.787.730	-	-	654.141.787.730
Các khoản cho vay	28.999.643.868	-	-	28.999.643.868
	686.005.043.458	-	-	686.005.043.458

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	1.185.872.395.710	23.370.909.512	-	1.209.243.305.222
Phải trả người bán, phải trả khác	525.297.079.862	312.498.564.715	-	837.795.644.577
Chi phí phải trả	103.506.819.401	-	-	103.506.819.401
	<u>1.814.676.294.973</u>	<u>335.869.474.227</u>	<u>-</u>	<u>2.150.545.769.200</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	834.668.894.623	239.845.741.162	-	1.074.514.635.785
Phải trả người bán, phải trả khác	639.644.804.530	312.498.564.715	-	952.143.369.245
Chi phí phải trả	126.297.524.904	-	-	126.297.524.904
	<u>1.600.611.224.057</u>	<u>552.344.305.877</u>	<u>-</u>	<u>2.152.955.529.934</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, tuy nhiên đến ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án và đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

35 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty CP Licogi 15	Công ty con
Công ty CP Licogi 17	Công ty con
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn
Công ty CP Licogi 12	(*)

(*) Từ ngày 08/06/2017, Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Licogi 12.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:	1.041.463.196.052	559.486.332.920
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ	76.351.040.024	8.742.776.221
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	78.259.848	84.162.262
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	3.035.182.748	7.635.083.569
Công ty CP Licogi 17	64.523.798.953	88.784.912
Công ty CP Tư vấn Licogi	-	90.545.478
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	844.200.000
Công ty CP Licogi 12	500.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	130.909.092	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	8.082.889.383	-
Mua hàng hóa dịch vụ	98.132.143.522	51.593.522.632
Công ty CP Tư vấn Licogi	19.798.000	90.545.478
Công ty CP Licogi 17	24.983.867.315	15.735.567.339
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	34.923.209.815
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	54.767.821.972	844.200.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	7.863.542.626	-
Công ty CP Lắp máy Điện nước	4.736.142.078	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.517.215.555	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	42.640.558	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	4.201.115.418	-
Thu lãi cho vay	21.187.062.446	1.269.903.507
Công ty CP Lắp máy Điện nước	514.255.211	39.809.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	20.464.308.625	1.230.094.507
Công ty Cổ phần Licogi 15	208.498.610	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.231.826.001	51.136.964.100
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	367.920.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	202.572.000	540.192.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	-	5.353.488.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	82.829.100.000	41.414.550.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566.000	3.460.814.100
Công ty CP Tư vấn Licogi	144.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	8.134.568.001	-
Công ty CP Licogi 12	358.020.000	-
Các khoản đi vay	202.500.930.033	167.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	111.340.000.000	167.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	20.676.712.329	-
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	70.484.217.704	-
Góp vốn đầu tư	28.328.596.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.554.760.000	-
Công ty CP Licogi 14	23.773.836.000	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	4.260.460.451	6.907.003.977
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	2.423.494.526
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.878.620.295	2.877.669.295
Công ty CP Licogi 12	-	224.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Ứng trước cho nhà cung cấp	50.096.862.027	45.494.781.755
Công ty CP Licogi 15	9.836.437.752	9.898.239.102
Công ty CP Lắp máy Điện nước	36.499.176.131	31.835.294.509
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
Phải thu về cho vay	1.600.000.000	28.999.643.868
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	-	27.399.643.868
Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan	16.761.821.376	15.445.922.899
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	72.569.445
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	-	87.214.001
Công ty CP Licogi 15	1.604.921.118	1.604.921.118
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	11.529.597.931	12.093.876.658
Công ty CP Lắp máy Điện nước	2.601.972.708	687.323.852
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	242.006.457	116.694.663
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Cổ tức phải thu	2.207.520.000	15.224.510.900
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	-	3.878.559.800
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	7.306.163.100
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	2.207.520.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	2.207.520.000	1.418.100.000
Công ty CP Licogi 15	-	245.181.000
Công ty CP Licogi 17	-	168.987.000
Phải thu cổ phần hóa các công ty con, liên kết	4.545.190.796	4.936.033.343
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	916.975.210	916.975.210
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	394.758.840
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
Phải thu khác	234.346.889.783	147.437.588.181
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	216.666.127.822	109.477.706.992
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	17.680.761.961	37.959.881.189

CÔNG TY CỔ PHẦN
 RÁCH NIỀM VÀ
 LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
 HÀ NỘI
 A
 CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	144.086.787.380	194.567.226.684
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	4.089.414.917
Công ty CP Tư vấn Licogi	1.414.501.226	1.403.958.316
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	59.139.648.044	59.968.090.425
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	6.915.433.684	5.319.066.018
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	22.614.064.828	18.817.428.402
Công ty CP Licogi 17	32.286.073.738	46.475.320.717
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.524.133.033	27.541.532.396
Công ty CP Lắp máy Điện nước	-	80.375.049
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	19.975.286.379
Công ty CP Licogi 14	1.432.899.716	1.632.899.716
Công ty CP Licogi 12	6.720.824.425	9.224.645.663
Công ty CP Licogi 15	39.208.686	39.208.686
Người mua trả tiền trước	2.323.262.679	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	2.323.262.679	-
Vay ngắn hạn	203.395.443.286	70.540.727.778
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	71.378.730.957	70.540.727.778
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	111.340.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	20.676.712.329	-
Phải trả khác	67.500.000.000	79.971.962.151
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	15.805.008.945
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	4.000.000.000
Công ty CP Licogi 17	-	148.265.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	18.688.206
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Chi phí phải trả	41.130.658.475	35.137.379.330
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	243.317.830	243.317.830
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	127.981.856	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	5.295.644.840	4.317.939.805
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	6.109.655.017	3.575.108.982
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông anh Licogi	176.344.683	281.980.892
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	26.600.459.802	26.605.695.182
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	113.336.639	113.336.639
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	2.463.917.808	-
 Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:	 2.599.101.036	 3.446.644.951
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	720.000.000	364.500.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.599.101.036	3.446.644.951

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ trên Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và Báo cáo Thăm tra của Ban chỉ đạo CPH về giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi -CTCP.

Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm VND</u>	<u>Số liệu điều chỉnh phân loại lại VND</u>	<u>Chênh lệch VND</u>	<u>Ghi chú</u>
a) Bảng cân đối kế toán riêng					
Phải thu ngắn hạn khác	136	268.406.820.187	263.966.417.326	(4.440.402.861)	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	194.642.003.175	201.005.271.459	6.363.268.284	(1)
Đầu tư vào công ty con	251	1.413.928.903.459	1.414.237.997.000	309.093.541	(1)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	327.935.990.000	328.035.058.969	99.068.969	(1)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	57.332.477.208	59.260.545.400	1.928.068.192	(1)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(64.724.866.504)	(66.652.934.696)	(1.928.068.192)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	582.711.071.508	582.667.214.350	(43.857.158)	(1)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	126.790.524.904	126.297.524.904	(493.000.000)	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	364.798.579.212	56.977.590.180	(307.820.989.032)	(1,2)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	286.977.526	405.355.126	118.377.600	(1)
Phải trả dài hạn khác	337	-	312.498.564.715	312.498.564.715	(2)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm	Số liệu điều chỉnh phân loại lại	Chênh lệch	Ghi chú
Chi phí tài chính	22	114.247.885.833	116.175.954.025	1.928.068.192	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.	(102.077.609.433)	(104.005.677.625)	(1.928.068.192)	(1)

(1) Điều chỉnh theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước.

(2) Phân loại các khoản mục theo kỳ hạn của nợ phải trả.

(Handwritten signatures and a red circular stamp of TONG CONG TY LICOGI-CTCP, Q. THANH XUAN - TP. HA NOI)

Trần Thị Thu Hằng
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

(Red circular stamp: QUẢN LÝ THUẾ, THANH XUAN, HA NOI)